

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Quý IV năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**
2 Tên ngân hàng giám sát : **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)**
3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
4 Ngày lập báo cáo: 20/01/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Quý IV/2009	KỲ BÁO CÁO Quý III/2009
1	Tiền	146,471,377,499	202,048,018,244
2	Các khoản đầu tư	2,210,281,884,979	2,315,331,004,598
2.1	Trái phiếu	160,523,350,000	268,266,039,349
2.2	Cổ phiếu	2,049,758,534,979	2,047,064,965,249
2.2.1	CP niêm yết	1,572,847,332,500	1,422,058,094,500
2.2.2	CP chưa niêm yết	476,911,202,479	625,006,870,749
3	Cổ tức được nhận	3,023,934,000	3,796,592,000
4	Lãi được nhận	7,822,323,889	10,076,701,598
4.1	Lãi trái phiếu	7,684,935,000	9,452,140,000
4.2	Lãi TGNH	137,388,889	624,561,598
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	17,790,076,200	208,390,095,400
6	Các khoản phải thu khác	5,050,000,000	3,225,000,000
7	Các tài sản khác	137,591,000,000	81,500,000,000
	TỔNG TÀI SẢN	2,528,030,596,567	2,824,367,411,840
STT	NỢ	KỲ BÁO CÁO Quý IV/2009	KỲ BÁO CÁO Quý III/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	38,036,770,514	1,125,747,549
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	37,517,280,000	
8.2	Phí môi giới GDCK	519,490,514	1,125,747,549
9	Các khoản phải trả khác	6,138,105,120	5,115,716,214
9.1	Phí quản lý quỹ	4,146,947,577	4,705,031,969
9.2	Phí lưu ký, giám sát	165,877,903	188,201,279
9.3	Thù lao BDD	92,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán	243,738,000	
9.6	Phải trả khác	1,489,541,640	176,482,966
10	Thuế TNDN Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1	3,985,166,812	
	TỔNG NỢ	48,160,042,446	6,241,463,763
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2,479,870,554,121	2,818,125,948,077
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	24,799	28,181

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Quý IV năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 20/01/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Quý IV/2009	KỲ BÁO CÁO Quý III/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,818,125,948,077	2,113,256,503,724
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(338,255,393,956)	704,869,444,353
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(218,255,393,956)	704,869,444,353
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	(120,000,000,000)	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,479,870,554,121	2,818,125,948,077
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	24,799	28,181

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Quý IV năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 20/01/2010

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Quý IV/2009	KỲ TRƯỚC Quý III/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	16,051,373,476	21,597,831,145	78,726,722,065
1	Cổ tức được nhận	14,664,392,918	9,659,349,300	45,755,232,898
2	Lãi được nhận	1,386,965,454	11,937,882,678	32,970,789,502
2.1	Lãi TGNH	2,757,930,454	3,268,391,254	16,938,535,078
2.2	Lãi trái phiếu	(1,370,965,000)	8,669,491,424	16,032,254,424
3	Thu nhập khác	15,104	599,167	699,665
II	Chi phí	16,135,805,986	15,306,644,624	50,997,609,610
1	Phí quản lý quỹ	13,099,515,133	12,834,326,775	43,724,806,268
2	Phí lưu ký, giám sát	523,980,605	513,373,071	1,856,576,787
3	Các loại chi phí khác	2,512,310,248	1,958,944,778	5,416,226,555
	Phí ngân hàng	33,705,087	22,770,896	94,891,682
	Thù lao Ban đại diện	184,000,000	130,000,000	638,000,000
	Phí môi giới bán CK	598,246,375	826,439,525	1,927,319,514
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	21,763,339	11,526,498	73,208,012
	Phí kiểm toán	243,738,000		283,742,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên	1,061,591,050	839,842,481	1,901,433,531
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1	40,620,777	37,235,481	77,856,258
	CP công tác phí BDD quỹ	16,875,833	63,741,314	80,617,147
	Chi phí khác	311,769,787	27,388,583	339,158,370
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	(84,432,510)	6,291,186,521	27,729,112,455
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(218,170,961,446)	698,578,257,832	875,169,398,318
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	110,459,909,501	155,324,952,319	226,505,685,919
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(384,721,870,947)	543,253,305,513	592,572,712,399
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp	56,091,000,000		56,091,000,000
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	(218,255,393,956)	704,869,444,353	902,898,510,773

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM